TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản là di sản do người chết để lại

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Phạm Ái Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê căn hộ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1937; ông Trần Hoài N, sinh năm 1983; bà Trần Nguyên Hoàng A, sinh năm 1992, cùng địa chỉ: Số nhà A đường B phường C, quận D, Tp Đà Nẵng. Ông N, bà A có mặt, bà L vắng mặt.

-Bị đơn: Công ty TNHH MTV D, địa chỉ trụ sở chính: Số nhà A1 đường B1 phường C1, quận D1, Tp Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Bà Lương Anh T, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Tư vấn đầu tư K, địa chỉ: Số nhà A2 đường B2 phường C2, quận D2, Tp Đà Nẵng. Đại diện: Bà Trần Thị H, chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, trú tại: Số nhà A3 đường B3 phường C3, quận D3, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị H1, trú tại: Số nhà A4 đường B4 phường C4, quận D4, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 10 năm 2022; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng A, ông Trần Hoài N trình bày:

Ngày 21/5/2019, bà Huỳnh Thị B (Bên B) có ký Hợp đồng thuê quyền sử dụng căn hộ có thời hạn số 59/2019/HĐT/ĐGV với Công ty TNHH MTV D (bên A), nội dung bên A cho bên B thuê toàn bộ quyền sử dụng căn hộ số A308, địa chỉ K338/20 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng; Diện tích: 43m2; Thời hạn thuê căn hộ: 6 năm. Căn hộ dự kiến bàn giao vào ngày 31/12/2019 và bên A được phép bàn giao sớm hơn hoặc chậm hơn 60 ngày kể từ thời điểm đến hạn bàn giao. Phương thức và thời hạn thanh toán được chia làm các đợt theo như phụ lục 1 kèm theo trong hợp đồng, tổng giá trị thuê là 378.800.000 đồng.

Ngày 21/7/2019, bà Huỳnh Thị B (Bên B) có ký Hợp đồng thuê quyền sử dụng căn hộ có thời hạn số 47/2019/HĐT/ĐGV với Công ty TNHH MTV D (bên A), nội dung bên A cho bên B thuê toàn bộ quyền sử dụng căn hộ số A104, địa chỉ K338/20 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng; Diện tích: 43m2; Thời hạn thuê căn hộ: 6 năm. Căn hộ dự kiến bàn giao vào ngày 31/12/2019 và bên A được phép bàn giao sớm hơn hoặc chậm hơn 60 ngày kể từ thời điểm đến hạn bàn giao. Phương thức và thời hạn thanh toán được chia làm các đợt theo như phụ lục 1 kèm theo trong hợp đồng, tổng giá trị thuê là 352.800.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, bà Huỳnh Thị B đã thanh toán số tiền cọc như sau:

+ Đối với căn hộ số A308: thanh toán cho Công ty TNHH Hợp tác đầu tư K (là Công ty thu hộ tiền cọc của Công ty TNHH MTV D) số tiền cọc là 243.320.000 đồng (cụ thể: ngày 05/12/2018 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 22/02/2019 số tiền 73.200.000 đồng; ngày 01/4/2019 số tiền 74.560.000 đồng; ngày 24/5/2019 số tiền 74.560.000 đồng). Vào ngày 29/7/2019 bà Huỳnh Thị B đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV D số tiền cọc là 74.560.000 đồng. Tổng số tiền bà Bình đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV D là 316.880.000 đồng.

+ Đối với căn hộ số A104: thanh toán cho Công ty TNHH Hợp tác đầu tư K (là Công ty thu hộ tiền cọc của Công ty TNHH MTV D) số tiền cọc là 229.320.000 đồng (cụ thể: ngày 05/12/2018 số tiền 52.920.000 đồng; ngày 21/01/2019 số tiền 35.280.000 đồng; ngày 12/3/2019 số tiền 70.560.000 đồng; ngày 24/5/2019 số tiền 70.560.000 đồng). Vào ngày 29/7/2019 bà Huỳnh Thị B đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV D số tiền cọc là 70.560.000 đồng. Tổng số tiền bà B đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV D là 299.880.000 đồng.

Đã quá thời hạn bàn giao Căn hộ theo như thoả thuận trong Hợp đồng nhưng Công ty TNHH MTV D vẫn không bàn giao 02 Căn hộ cho bà B nên bà đã đề nghị Công tyTNHH MTV D chấm dứt Hợp đồng số trước thời hạn. Ngày 07/9/2020, hai bên đã ký Hợp đồng thA lý hợp đồng thuê căn hộ số A308 và căn hộ số A104 tại số nhà K338/20 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo đó, hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê căn hộ như trên kể từ ngày 07/9/2020. Số tiền Công ty TNHH MTV D phải thanh toán cho bà B đối với 02 Hợp đồng trên là 347.417.995 đồng + 329.925.028 đồng - 50.000.000 đồng (Số tiền Công ty TNHH

MTV D đã tạm ứng cho bà B) = 627.343.023 đồng, thời gian chi trả thanh lý hợp đồng vào ngày 30/11/2020, thanh toán bằng tiền mặt.

Tuy nhiên, cho đến năm 2022 Công ty TNHH MTV D vẫn chưa thanh toán cho bà B số tiền nêu trên mặc dù bà B đã rất nhiều lần liên hệ, hối thúc nhưng Công ty luôn tìm cách tránh né và biện hộ nhiều lý do không thực hiện việc chi trả tiền như thỏa thuận. Theo Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 1125/CSĐT-KT ngày 24/12/2021 và Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự số 1126/CSĐT-KT ngày 24/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp Đà Nẵng thì hành vi của bà Lương A T không cấu thành tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 và tội phạm "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp Đà Nẵng ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và đề nghị các khách hàng (trong đó có bà Huỳnh Thị B) thực hiện thủ tục khởi kiện tại Tòa án.

Ngày 11/12/2021 bà Huỳnh Thị B chết. Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị B là bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột), bà Trần Nguyên Hoàng A (con gái), ông Trần Hoài N (con trai) (Bà Huỳnh thị B đã ly hôn vào năm 2004) khởi kiện Tòa án, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV D phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A số tiền 677.530.465đ, trong đó nợ gốc là 627.343.023đ, nợ lãi tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày 01/12/2021(lãi suất 8%/12 tháng) là 50.187.441đ.

Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV D vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần, không thể hiện ý kiến.

Đối với Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Tư vấn đầu tư K, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần, không thể hiện ý kiến.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn Công ty TNHH MTV D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Tư vấn đầu tư K, bà Trần Thị Hồng, bà Trần Thị Hải được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Bị đơn Công ty TNHH MTV D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Tư vấn đầu tư K, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị B là bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột), bà Trần Nguyên Hoàng A (con gái), ông Trần Hoài N (con trai) (Bà Huỳnh thị B đã ly hôn vào năm 2004) khởi kiện Tòa án, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV D phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A số tiền 677.530.465đ, trong đó nợ gốc là 627.343.023đ, nợ lãi tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày 01/12/2021 (lãi suất 8%/12 tháng) là 50.187.441đ nên xác định vụ án này là tranh chấp đòi lại tài sản là di sản do người chết để lại.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên buộc Công ty TNHH MTV D phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A số tiền 677.530.465đ, trong đó nợ gốc là 627.343.023đ, nợ lãi tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày 01/12/2021(lãi suất 8%/12 tháng) là 50.187.441đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quyền khởi kiện vụ án: Theo Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 1125/CSĐT-KT ngày 24/12/2021 và Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự số 1126/CSĐT-KT ngày 24/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp Đà Nẵng thì hành vi của bà Lương A Thư không cấu thành tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 và tội phạm "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp Đà Nẵng ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và đề nghị các khách hàng (trong đó có bà Huỳnh Thị B thực hiện thủ tục khởi kiện tại Tòa án. Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị Bh là bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột), bà Trần Nguyên Hoàng A (con gái), ông Trần Hoài N (con trai) (Bà Huỳnh thị B đã ly hôn vào năm 2004) có quyền khởi kiện vụ án dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A đối với Công ty TNHH MTV D có địa chỉ trụ sở chính tại quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng là đúng với quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị B là bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột), bà Trần Nguyên Hoàng A (con gái), ông Trần Hoài N (con trai) (Bà Huỳnh thị B đã ly hôn vào năm 2004) khởi kiện Tòa án, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV D phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A số tiền 677.530.465đ, trong đó nợ gốc là 627.343.023đ, nợ lãi tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày 01/12/2021(lãi suất 8%/12 tháng) là 50.187.441đ nên Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp đòi lại tài sản là di sản do người chết để lại.

Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn Công ty TNHH MTV D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Tư vấn đầu tư K, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H1 vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Ngày 21/5/2019, bà Huỳnh Thị B (Bên B) có ký Hợp đồng thuê quyền sử dụng căn hộ có thời hạn số 59/2019/HĐT/ĐGV với Công ty TNHH MTV D (bên A), nội dung bên A cho bên B thuê toàn bộ quyền sử dụng căn hộ số A308, địa chỉ K338/20 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng; Diện tích: 43m2; Thời hạn thuê căn hộ: 6 năm. Căn hộ dự kiến bàn giao vào ngày 31/12/2019 và bên A được phép bàn giao sớm hơn hoặc chậm hơn 60 ngày kể từ thời điểm đến hạn bàn giao. Phương thức và thời hạn thanh toán được chia làm các đợt theo như phụ lục 1 kèm theo trong hợp đồng, tổng giá trị thuê là 378.800.000 đồng; Ngày 21/7/2019, bà Huỳnh Thị B (Bên B) có ký Hợp đồng thuê quyền sử dụng căn hộ có thời hạn số 47/2019/HĐT/ĐGV với Công ty TNHH MTV D (bên A), nội dung bên A cho bên B thuê toàn bộ quyền sử dụng căn hộ số A104, địa chỉ K338/20 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng; Diện tích: 43m2; Thời hạn thuê căn hộ: 6 năm. Căn hộ dự kiến bàn giao vào ngày 31/12/2019 và bên A được phép bàn giao sớm hơn hoặc chậm hơn 60 ngày kể từ thời điểm đến hạn bàn giao. Phương thức và thời hạn thA toán được chia làm các đợt theo như phụ lục 1 kèm theo trong hợp đồng, tổng giá trị thuê là 352.800.000 đồng. Việc ký kết các Hợp đồng nói trên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Thực hiện hợp đồng, bà Huỳnh Thị B đã nhiều lần thA toán số tiền cọc cho Công ty TNHH Hợp tác đầu tư K, Công ty TNHH MTV D. Theo Biên bản bàn giao hồ sơ khách hàng ngày 15/7/2019 thì Công ty TNHH Hợp tác đầu tư K đã bàn giao toàn bộ cho Công ty TNHH MTV D. Vậy, tổng số tiền bà B đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV D là 616.760.000 đồng. Đã quá thời hạn bàn giao Căn hộ theo như thoả thuận trong Hợp đồng nhưng Công ty TNHH MTV D vẫn không bàn giao 02 Căn hộ cho bà B nên bà đã đề nghị Công ty TNHH MTV D chấm dứt Hợp đồng số trước thời hạn. Ngày 07/9/2020, hai bên đã ký Hợp đồng thA lý hợp đồng thuê căn hộ số A308 và căn hộ số A104 tại số nhà K338/20 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo đó, hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê căn hộ như trên kể từ ngày 07/9/2020. Số tiền Công ty TNHH MTV D phải thanh toán cho bà B đối với 02 Hợp đồng trên là 347.417.995 đồng + 329.925.028 đồng - 50.000.000 đồng (Số tiền Công ty TNHH MTV D đã tạm ứng cho bà B) = 627.343.023 đồng, thời gian chi trả thA lý hợp đồng vào ngày 30/11/2020, thanh toán bằng tiền mặt.

Do đó yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH MTV D phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A (là các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị Bình) số tiền là 627.343.023đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm hai mươi ba đồng) là phù hợp với quy định tại Hợp đồng, quy định tại Điều 278 và 280 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền nợ lãi tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày 01/12/2021(lãi suất 8%/12 tháng) là 50.187.441đ: Tại 02 bảng tính lãi suất ngày 07/09/2020, bà B và Công ty TNHH MTV D đã thỏa thuận mức lãi suất là 8.0%/năm là không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nay Công ty TNHH MTV D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã phát sinh lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thA toán là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Do vậy, yêu cầu Công ty phải thanh toán nợ lãi là 50.187.441đ, tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày 01/12/2021 (lãi suất 8%/12 tháng) là có cơ sở, không trái quy định về mức lãi suất

cũng như thời gian tính lãi trên khoản tiền gốc Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Công ty TNHH MTV D phải chịu 31.101.218 đồng (Ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ một ngàn, hai trăm mười tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.546.860 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn, tám trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu số 0008525 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản là di sản do người chết để lại".

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A số tiền 677.530.465đ (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 627.343.023đ, nợ lãi tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày 01/12/2021 là 50.187.441đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D phải chịu 31.101.218 đồng (Ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ một ngàn, hai trăm mười tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hoài N, bà Trần Nguyên Hoàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.546.860 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm bốn

mươi sáu ngàn, tám trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu số 0008525 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận ThA Khê;
- Chi cục THADS Q. ThA Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Hưng